



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Vinh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

THƯ NGỎ

Về việc yêu cầu cung cấp tài liệu chứng minh tính hợp lệ về danh mục và giá của các sản phẩm cung ứng cho Nhà thuốc Bệnh viện đa liễu Nghệ An.

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Trên cơ sở Biên bản họp Hội đồng thuốc và điều trị - Ban điều hành và thường trực hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện đa liễu Nghệ An về việc thống nhất danh mục, giá, số lượng các mặt hàng mua sắm năm 2025 cho Nhà thuốc Bệnh viện đa liễu Nghệ An.

Bệnh viện Đa liễu Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận hồ sơ chứng minh tính hợp lệ của các sản phẩm, đảm bảo đúng theo yêu cầu về danh mục, giá đã trúng thầu tại các cơ sở y tế trên toàn quốc, làm cơ sở để ký kết hợp đồng cung ứng các mặt hàng cho Nhà thuốc Bệnh viện đa liễu Nghệ An năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu

- Đơn vị yêu cầu: Nhà thuốc Bệnh viện Đa liễu Nghệ An.
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận: Khoa Dược - Vật tư y tế, Bệnh viện Đa liễu Nghệ An.
 - Cách thức tiếp nhận:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: 130 Lê Hồng Phong - Tp Vinh - Tỉnh Nghệ an
 - Nhận qua email: donduocbvtp@gmail.com
 - Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: Từ 7h ngày 21 tháng 03 năm 2025 đến trước 17h ngày 28 tháng 03 năm 2025
- Các hồ sơ nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của hồ sơ: Đến hết ngày 31/12/2025.

II. Nội dung yêu cầu hồ sơ:

- Danh mục hàng hóa: (chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)
- Hồ sơ bao gồm:
 - Tất cả các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của các mặt hàng trong Phụ lục 01:
 - + Đối với thuốc: Giấy phép lưu hành...



+ Đối với thiết bị y tế: Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế...

+ Đối với Mỹ phẩm: Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm...

- Tài liệu chứng minh về giá đã trúng thầu tại các cơ sở y tế trên toàn quốc:

+ Quyết định trúng thầu đối với từng mặt hàng đã được nêu tại Phụ lục 01.

+ Hợp đồng đã ký với cơ sở y tế đối với từng mặt hàng đã được nêu tại Phụ lục 01.

Để kịp thời có các sản phẩm cung ứng tại Nhà thuốc Bệnh viện da liễu Nghệ An nhằm phục vụ hiệu quả trong công tác khám và điều trị cho người bệnh. Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các hãng sản xuất, nhà cung ứng. Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (đề b/c);
- Đăng tải website Bệnh viện;
- Lưu: VT. Nhà thuốc.

**TRƯỞNG BAN
ĐH VÀ TTHĐ
NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN**



Nguyễn Thái Dũng





PHỤ LỤC 01
DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU CUNG CẤP TÀI LIỆU
(Ban hành kèm theo Thư ngỏ ngày 20/03/2025 của Bệnh viện Đa Khoa Thành Phố Vinh)

I. THUỐC TÂN DƯỢC

ST T	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Đơn giá	Tên CDT	Hình thức LCNT	Số QĐ	Ngày ban hành QĐ
1	Desloratadin	30mg/60ml	Uống	Siro	Lọ	Nhóm 2	Hộp 1 lọ 60ml	61.500	Bệnh Viện Đa khoa Thành Phố Vinh	Đầu thầu rộng rãi	594/QĐ-BVTP	10/04/2024
2	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	4mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	Nhóm 4	Hộp 5 vỉ x 10 viên	1.079	Bệnh Viện Đa khoa Thành Phố Vinh	Đầu thầu rộng rãi	594/QĐ-BVTP	10/04/2024
3	Bilastine	20mg	Uống	Viên nén	Viên	1	Hộp 1 vỉ x 10 viên	9.300	Bệnh viện Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật Quân khu 4	Đầu thầu rộng rãi	1463/QĐ-BVQY4	20/12/2024
4	Fexofenadin	30mg/5ml; 60ml	Uống	Hỗn dịch uống	Lọ	Nhóm 5	Hộp 1 lọ 60ml	98.000	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
5	Fexofenadin	180mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	Hộp 3 vỉ x 10 viên	8.028	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Đầu thầu rộng rãi	KQ240054 9164_2503 061426	06/03/2025
6	Levocetirizin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1	Hộp 4 vỉ, 1 vỉ x 7 viên	4.700	Sở Y tế Đồng Nai	Đầu thầu rộng rãi	139/QĐ-SYT	27/02/2025
7	Cetirizin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 1	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4.000	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
8	Loratadin	10mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 1	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1.600	Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	09/QĐ-KSBT	16/01/2025
9	Rupatadine	10mg	Uống	Viên nén	Viên	BDG	Hộp 1 vỉ x 10 viên	6.500	Bệnh viện Đa Khoa Hà Nội	Đầu thầu rộng rãi	49/QĐ-BVDL-HN	16/01/2025
10	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Viên nén phân tán	Viên	4	Hộp 2 vỉ x 7 viên	11.800	Bệnh viện chấn thương - chỉnh hình Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	số 53/QĐ-BVCTCH	12/02/2025
11	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg + 31,25mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Gói	2	Hộp 1 túi x 12 gói 1g	7.436	Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	373/QĐ-BVQL	15/04/2024
12	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg + 125mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Gói	2	Hộp 12 gói x 1,6g	9.180	Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Lưu	Đầu thầu rộng rãi	357/QĐ-TTYT	16/12/2024
13	Cefdimir	125mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Gói	Nhóm 2	Hộp 12 gói x 2g	12.000	BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỐI	Đầu thầu rộng rãi	362/QĐ-BVBND	17/01/2025
14	Clindamycin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	BDG	Hộp 2 vỉ x 8 viên	11.273	Bệnh Viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	KQ240062 2679_2503 070809	07/03/2025
15	Levofloxacin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	Hộp 1 vỉ x 5 viên nén bao phim	36.550	Bệnh Viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	KQ240062 2679_2503 070809	07/03/2025

I. THUỐC TÂN DƯỢC

ST T	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Đơn giá	Tên CĐT	Hình thức LCNT	Số QĐ	Ngày ban hành QĐ
16	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	Nhóm 1	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1.490	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	Đầu thầu rộng rãi	472/QĐ-BVNDGD	03/03/2025
17	Minocyclin (dưới dạng minocyclin hydrochlorid) 50 mg	50mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	Nhóm 4	Hộp 3 vỉ x 10 viên	7.500	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
18	Minocyclin	100mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	Nhóm 4	Hộp 3 vỉ x 10 viên	14.800	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
19	Azithromycin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 4	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 3 viên	2.730	Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Nghệ an	Đầu thầu rộng rãi	09/QĐ-KSBT	16/01/2025
20	Aciclovir	200mg	Uống	Viên	Viên	4		397	Bệnh viện Mắt Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	KQ240058 2949_2502 251120	25/02/2025
21	Aciclovir	800mg	Uống	Viên	Viên	4		1.098	Bệnh viện Mắt Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	KQ240058 2949_2502 251120	25/02/2025
22	Fluconazol	150mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	Nhóm 2	Hộp 1 vỉ x 1 viên	6.790	Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Nghệ an	Đầu thầu rộng rãi	09/QĐ-KSBT	16/01/2025
23	Griseofulvin	500mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 4	Hộp 2 vỉ x 10 viên	1.236	Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Nghệ an	Đầu thầu rộng rãi	09/QĐ-KSBT	16/01/2025
24	Itraconazol	100mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	1	Hộp 3 vỉ * 5 viên	13.800	Bệnh viện Mắt Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	KQ240058 2949_2502 251120	25/02/2025
25	Isotretinoin	10mg	Uống	viên nang mềm	Viên	Nhóm 2	Hộp 3 vỉ x 10 viên	6.500	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
26	Isotretinoin	20mg	Uống	viên nang mềm	Viên	Nhóm 4	Hộp 3 vỉ x 10 viên	6.320	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
27	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	BDG	Hộp 10 vỉ x 10 viên	11.316	Bệnh Viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	KQ240062 2679_2503 070809	07/03/2025
28	Albendazol	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 2	Hộp 1 vỉ x 1 viên	2.983	Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Nghệ an	Đầu thầu rộng rãi	09/QĐ-KSBT	16/01/2025
29	Ivermectin	3mg	Uống	viên nén	Viên	Nhóm 2	Hộp 1 vỉ x 4 viên	44.900	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
30	Ivermectin	6mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 4	Hộp 2 vỉ x 2 viên	17.800	Sở Y tế tỉnh Kiên Giang	Đầu thầu rộng rãi	1630/QĐ-SYT	27/06/2024
31	Methotrexate	2.5mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 5	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3.500	Bệnh viện Da liễu Trung ương	Đầu thầu rộng rãi	3125/QĐ-BVDLTW	09/12/2024

I. THUỐC TÂN DƯỢC

ST T	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Đơn giá	Tên CDT	Hình thức LCNT	Số QĐ	Ngày ban hành QĐ
32	Colchicin	1mg	Uống	Viên nén	Viên	2	Hộp 10 vi x 10 viên	980	Bệnh Viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	3166/QĐ-BV	21/10/2024
33	Esomeprazol	20mg	Uống	Viên nang cứng chứa Pellet tan trong ruột	Viên	3	Hộp 4 vi x 7 viên, 10 vi x 7 viên nang cứng	2.760	Bệnh viện Phổi Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	KQ250000 5955_2502 191028	19/02/2025
34	Alphachymotrypsin	4.2mg	Uống	Viên nén phân tán	Viên	4	Hộp 10 vi x 10 viên	598	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	Đầu thầu rộng rãi	202/QĐ-BVDL	08/04/2024
35	Vitamin B1 + B6 + B12	125mg + 125mg + 125mcg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 2	Hộp 10 vi, 50 vi x 10 viên	1.190	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
36	Vitamin PP	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	4	Hộp 50 vi x 10 viên	180	Trung tâm Y tế huyện Quý Châu	Đầu thầu rộng rãi	Trung tâm y tế Quý Châu	22/10/2024
37	Acid folic	5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	Hộp 10 vi x 10 viên	180	Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Nghệ an	Đầu thầu rộng rãi	09/QĐ-KSBT	16/01/2025
38	Benzathin benzylpenicilin	1.200.000 UI	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Lọ	NHÓM 4	Hộp 50 lọ	15.000	Bệnh viện Da Liễu	Đầu thầu rộng rãi	1147/QĐ-BVDL	02/12/2024
39	Ceftriaxon	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Lọ	4	Hộp 10 lọ dung tích 15ml	6.013	Bệnh viện Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật Quân khu 4	Đầu thầu rộng rãi	1463/QĐ-BVQY4	20/12/2024
40	Clotrimazol	100mg	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Viên	Nhóm 4	Hộp 1 vi x 6 viên	1.250	Bệnh Viện Đa khoa Thành Phố Vinh	Đầu thầu rộng rãi	594/QĐ-BVTP	10/04/2024
41	Clotrimazol	1%	Bôi ngoài da	Thuốc kem	tuýp	Nhóm 5	Hộp 1 tuýp 20g	17.500	Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Nghệ an	Đầu thầu rộng rãi	09/QĐ-KSBT	16/01/2025
42	Terbinafine hydrochloride	150mg/15g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Tuýp	2	Hộp 1 tuýp 15g	68.000	Bệnh Viện Da Liễu Thanh Hóa	Đầu thầu rộng rãi	272/QĐ-BVDL	26/11/2024
43	Clobetasol propionate	0,5mg/g	Dùng ngoài	Mỡ bôi da	Tuýp	2	Hộp 1 tuýp 15 g	40.425	Sở Y tế Đồng Nai	Đầu thầu rộng rãi	139/QĐ-SYT	27/02/2025
44	Clobetasol butyrat	0,05%	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	4	Hộp 1 tuýp 5 g	18.000	Bệnh viện Da Liễu Hà Nội	Đầu thầu rộng rãi	48/QĐ-BVDL	16/01/2025
45	Betamethason+ Acid salicylic	0.5mg; 20mg	Dùng ngoài	Kem	lọ	Nhóm 4	Hộp 1 lọ 20ml	60.000	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
46	Fusidic acid + hydrocortison	20mg/g + 10mg/g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	1	Hộp 1 tuýp 15g	97.130	Bệnh viện Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật Quân khu 4	Đầu thầu rộng rãi	1463/QĐ-BVQY4	20/12/2024
47	Kẽm oxyd	10%/15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	4	Hộp 1 tuýp 15g	12.000	Bệnh viện Bạch Mai	Đầu thầu rộng rãi	1744/QĐ-BM	04/05/2024
48	Adapalen	0,1%	Dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	Tuýp	Nhóm 4	Hộp 1 tuýp 15g	58.900	Bệnh Viện Đa khoa Thành Phố Vinh	Đầu thầu rộng rãi	594/QĐ-BVTP	10/04/2024
49	Adapalen; Hydrous Benzoyl Peroxide ;	0,1%w/w; 2,5%w/w	Dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	Tuýp	Nhóm 4	Hộp 1 tuýp nhôm 30g	125.000	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024

I. THUỐC TÂN DƯỢC

ST T	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Đơn giá	Tên CĐT	Hình thức LCNT	Số QĐ	Ngày ban hành QĐ
50	Adapalene+ Clindamycin	(1mg + 10mg)/1g	Dùng ngoài	Gel dùng ngoài	Tuýp	NHÓM 4	Hộp 1 tuýp 15g	64.050	Bệnh viện Da Liễu	Đầu thầu rộng rãi	1147/QĐ-BVDL	02/12/2024
51	Hydrous Benzoyl Peroxide	5%	Dùng ngoài	Gel bôi da	Tuýp	NHÓM 4	Hộp 1 tuýp 15g	75.000	Bệnh viện Da Liễu	Đầu thầu rộng rãi	1147/QĐ-BVDL	02/12/2024
52	adapalen	1mg/g, 15g	Dùng ngoài	Gel bôi da	Tuýp	Nhóm 2	Hộp 1 tuýp 15g	99.000	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
53	calcipotriol+betamethason dipropionat	0,005% + 0,0643%, 15g	Dùng ngoài	Gel bôi da	Chai	2	Hộp 1 chai 15g	272.000	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	Đầu thầu rộng rãi	KQ250003 3493_2503 141009	14/3/2025
54	mometason furoate	1mg/g, 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	Nhóm 2	Hộp 1 tuýp 15g	74.000	Bệnh viện Da liễu Trung ương	Đầu thầu rộng rãi	3125/QĐ-BVDL TW	09/12/2024
55	mupirocin	20mg/g, 15g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Tuýp	Nhóm 2	Hộp 1 tuýp 15g	98.000	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
56	mupirocin	20mg/g, 5g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Tuýp	Nhóm 2	Hộp 1 tuýp 5g	37.500	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
57	salicylic acid+ betamethason dipropionat	30mg/g + 0,5mg/g, 30gam	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Tuýp	2	Hộp 1 tuýp 30g	95.000	Bệnh Viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	3166/QĐ-BV	21/10/2024
58	betamethason	0,5 mg/g, 30g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Tuýp	Nhóm 2	Hộp 1 tuýp 30g	61.500	Bệnh Viện Đa khoa Thành Phố Vinh	Đầu thầu rộng rãi	594/QĐ-BVTP	10/04/2024
59	Desonide	0,5mg/1g x 15g	Dùng ngoài	Gel bôi da	Tuýp	Nhóm 4	Hộp 1 tuýp 15g	35.000	Bệnh viện Da liễu Trung ương	Đầu thầu rộng rãi	3125/QĐ-BVDL TW	09/12/2024
60	Terbinafin(hydroclorid)	10mg/g, 30g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	2	Hộp 1 tuýp 30g	120.000	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	Đầu thầu rộng rãi		14/3/2025
61	Calcipotriol	0,75mg	dùng ngoài	Thuốc mỡ	Tuýp	Nhóm 4	Hộp 1 tuýp 30g	120.000	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
62	Fusidic acid + Betamethason (dưới dạng valerat)	2% (w/w) + 0,1% (w/w)	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	Nhóm 1	Hộp 1 tuýp 15g	98.340	Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Nghệ an	Đầu thầu rộng rãi	09/QĐ-KSBT	16/01/2025
63	Acid Fusidic	2%	dùng ngoài	Kem	Tuýp	BDG	Hộp 1 tuýp 15g	75.075	Bệnh Viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	KQ240062 2679_2503 070809	07/03/2025
64	Fusidic Acid + Hydrocortison acetat	20mg/g + 10mg/g	dùng ngoài	Kem	Tuýp	1	Hộp 1 tuýp 15g	97.130	Bệnh viện Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật Quân khu 4	Đầu thầu rộng rãi	1463/QĐ-BVQY4	20/12/2024
65	Calcipotriol (dưới dạng calcipotriol monohidrat) + Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat)	50mcg/g + 0,5mg/g	dùng ngoài	Thuốc mỡ	Lọ	Nhóm 1	Hộp 1 lọ 15g	288.750	Bệnh Viện Đa khoa Thành Phố Vinh	Đầu thầu rộng rãi	594/QĐ-BVTP	10/04/2024

I. THUỐC TÂN DƯỢC

ST T	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Đơn giá	Tên CĐT	Hình thức LCNT	Số QĐ	Ngày ban hành QĐ
66	Tacrolimus monohydrate	0,03%	dùng ngoài	Thuốc mỡ	Tuýp	N4	Hộp 1 tuýp 10g	42.000	Bệnh viện Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Quân khu 7	Đầu thầu rộng rãi	236/QĐ-BV4	14/03/2025
67	Tacrolimus monohydrate	0,1%	dùng ngoài	Thuốc mỡ	Tuýp	Nhóm 4	Hộp 1 tuýp 10g	64.000	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
68	Methyl prednisolon	4mg	Uống	viên nén	viên	N1	Hộp 3 vi x 10 viên	1.105	Học viện Quân y	Đầu thầu rộng rãi	2785/QĐ-HVQY	18/07/2024
69	Methyl prednisolon	16mg	Uống	viên nén	viên	N1	Hộp 3 vi x 10 viên	3.930	Học viện Quân y	Đầu thầu rộng rãi	2785/QĐ-HVQY	18/07/2024
70	Ciclopiroxolamin	10mg	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	Hộp 1 tuýp 20g	52.500	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Đầu thầu rộng rãi	2072/QĐ-BVDHYHN	26/12/2024
71	Silymarin	140mg	Uống	Viên nén bao phim.	Viên	4	Hộp 6 vi x 10 viên	5.800	BỆNH VIỆN QUÂN Y 109	Đầu thầu rộng rãi	411/QĐ-BV	11/04/2024
72	Cefpodoxim	200 mg	Uống	Viên nang	Viên	1	Hộp 1 vi x 10 viên	9.950	Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	373/QĐ-BVQL	15/04/2024
73	Hydrocortison Acetat	1%, 15g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Tuýp	4	Tuýp 15g	27.950	Bệnh Viện Da Liễu Thanh Hóa	Đầu thầu rộng rãi	272/QĐ-BVDL	26/11/2024
74	Cefpodoxim 100mg/5ml/70ml	100mg/5ml/70ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Lọ	Nhóm 4	Hộp 1 lọ bột để pha 70ml hỗn dịch	94.980	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Đầu thầu rộng rãi	3442/QĐ-BVND1	16/12/2024
75	Terbinafine 250mg	250mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 4	Hộp 2 vi x 15 viên	6.990	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
76	Fusidic acid+ hydrocortison	Mỗi 5g chứa (100mg +50mg) /10g	Dùng ngoài		Tuýp	Nhóm 4	Hộp 1 tuýp 10g	53.490	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	399/QĐ-BVPDLTW QL	26/09/2024
77	Fusidic Acid 2%	2%	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	4	Hộp 1 tuýp 15g	32.900	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	KQ240058 9287 2503 180855	19/03/2025
78	Fusidic Acid + Betamethasone	100mg + 5mg, 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	4	Hộp 1 tuýp 15g	40.950	Bệnh Viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	3166/QĐ-BV	21/10/2024
79	Fusidic acid + betamethason	100mg + 5mg, 10g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	4	Hộp 1 tuýp 10g	27.200	Trung Tâm Y tế thành phố Huế	Đầu thầu rộng rãi	119/QĐ-TTYT	18/02/2025
80	Fusidic acid + betamethason	100mg + 5mg, 5g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	4	Hộp 1 tuýp 5g	18.000	Bệnh viện Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật Quân khu 4	Đầu thầu rộng rãi	1463/QĐ-BVQY4	20/12/2024
81	Rupatadine 10mg	10mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 4	Hộp 3 vi x 10 viên	3.468	BỆNH VIỆN DA LIỄU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	Đầu thầu rộng rãi	240/QĐ-BVDL	18/10/2024
82	Ketoconazole	2% w/w - 15g	Bôi da	Kem dùng ngoài	Tuýp	2	Hộp chứa 1 tuýp 15g	48.000	Bệnh viện Mắt và Da Liễu Hải Dương	Đầu thầu rộng rãi	15 /QĐ-BVMDL	21/02/2025

I. THUỐC TÂN DƯỢC

ST T	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Đơn giá	Tên CĐT	Hình thức LCNT	Số QĐ	Ngày ban hành QĐ
83	Rupatadin (dưới dạng Rupatadin fumarat)	5mg/5ml x 5ml	Uống	Siro	Ống	4	Hộp 20 ống x 5ml	8.098	BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG	Đầu thầu rộng rãi	4114/QĐ-BVNTW	18/12/2024
84	Itraconazol	100mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	4	Hộp 1 vi, 3 vi, 4 vi x 4 viên, 3 vi x 10 viên	2.940	Bệnh viện Mắt Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	KQ240058 2949_2502 251120	25/02/2025
85	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	20mg/10ml	Uống	Siro	Ống	N4	Hộp 20 ống x 10ml	9.350	Bệnh viện Da Liễu Hà Nội	Đầu thầu rộng rãi	48/QĐ-BVDL	16/1/2025
86	(Cao khô quả kê sữa (tương đương Silymarin 167mg) 277,8mg-312,8mg)	(Cao khô quả kê sữa (tương đương Silymarin 167mg) 277,8mg-312,8mg)	Uống	Viên	Hộp	N3	Hộp 6 vi *10 viên	6.000	Bệnh viện chợ rẫy	Đầu thầu rộng rãi	5117/QĐ-BVCR	21/10/2024
87	Biotin (vitamin H)	10mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	4		3.990	Bệnh viện Phong - Da Liễu TW Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	Số 399/QĐ - BVPDLTW QL	26/09/2024
88	Calcipotriol (dưới dạng calcipotriol monohidrat) + Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat)	50mcg/g + 0.5mg/g	dùng ngoài	Thuốc mỡ	Lọ	Nhóm 4	Hộp 1 lọ 20g	200.000	Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa	Đầu thầu rộng rãi	37/CV-BVDL	16/10/2024
89	Lidocain, Prilocain	(25mg + 25mg)/1g	Bôi ngoài da	Kem bôi da	Tuýp	4	Tuýp 5g 1 tuýp/hộp	36.500	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Đầu thầu rộng rãi	KQ240055 2906_2503 061656	06/03/2025
90	Miconazole	0.02	Dùng Ngoài	Kem bôi da	Tuýp	Nhóm 4	Hộp 01 tuýp x 15g	21.000	Bệnh viện Quận 12	Đầu thầu rộng rãi	KQ250001 5877_2503 191647	19/03/2025
91	Desloratadin	2,5mg/5ml	Uống	Dung dịch uống	Ống	4	Hộp 20 ống x 5ml	1.590	Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	373/QĐ-BVQL	15/04/2024
92	Fexofenadin hydroclorid	30mg/5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Gói	4	Hộp 30 gói x 5 ml	3.050	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	KQ240058 9287_2503 180855	19/03/2025
93	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	BDG	Hộp 1 vi x 3 viên	89.820	Bệnh Viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	Đầu thầu rộng rãi	KQ240062 2679_2503 070809	07/03/2025
94	Levofloxacin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 1	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	14.500	Bệnh viện đa khoa Cẩm Pha	Đầu thầu rộng rãi	KQ240062 1676_2502 282149	28/02/2025
95	Metronidazol	250mg	Uống	Viên nén	viên	Nhóm 4	Hộp 10 vi x 10 viên	127	Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Nghệ an	Đầu thầu rộng rãi	09/QĐ-KSBT	16/01/2025
96	Acid salicylic	167mg/g	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Lọ	NHÓM 1	Hộp 1 lọ 10ml	250.000	Bệnh viện Da Liễu	Đầu thầu rộng rãi	1147/QĐ-BVDL	02/12/2024

I. THUỐC TÂN DƯỢC												
ST T	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Đơn giá	Tên CĐT	Hình thức LCNT	Số QĐ	Ngày ban hành QĐ
97	salicylic acid+ betamethason dipropionat	30mg/g + 0,5mg/g; 15gam	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Tuýp	4	Hộp 1 tuýp 15g	12.000	Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Thành	Đầu thầu rộng rãi	KQ250001 8796_2503 141630	14/03/2025

II. THIẾT BỊ Y TẾ												
S T T	Tên thiết bị y tế	Thành phần	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Tác dụng/Công dụng	Đơn giá	Tên CĐT	Hình thức LCNT	Số QĐ	Ngày ban hành QĐ
1	Dung dịch xịt ngoài da	Natri laureth sulfat, Methol, Eucaliptol, polyethylen glycol, polysorbat 80, Permethrin , nước tinh khiết.	Dùng ngoài	Dung dịch	Lọ	Hộp 1 lọ 100 ml	Vệ sinh, giúp làm sạch các loại ký sinh trùng khỏi da, đặc biệt loại bỏ hoàn toàn, tận gốc các loại cái ghẻ.	136.000	Bệnh viện Da liễu	Đầu thầu rộng rãi	Số 267/QĐ-BVDL	24/09/2024
2	Dung dịch xịt ngoài da	Natri laureth sulfat, Methol, Eucaliptol, polyethylen glycol, polysorbat 80, Permethrin , nước tinh khiết.	Dùng ngoài	Dung dịch	Lọ	Hộp 1 lọ 150 ml	Vệ sinh, giúp làm sạch các loại ký sinh trùng khỏi da, đặc biệt loại bỏ hoàn toàn, tận gốc các loại cái ghẻ.	185.000	Bệnh viện Da liễu	Đầu thầu rộng rãi	Số 267/QĐ-BVDL	24/09/2024

III. MỸ PHẨM VÀ THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE													
S T T	Thành phần	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Tác dụng/Công dụng	Đơn giá	Nhóm hàng hóa	Tên CĐT	Hình thức LCN T	Số QĐ	Ngày ban hành QĐ
1	Purified water, Sodium laureth sulfaste, Sodium chloride, Glycerin, PEG -150 Distearate, Polysorbate 20, PEG-7 Glyceryl cocoate, Fragrance, Polyaquaternium-10, PEG 20 Methyl glucose ether, Panthenol, Water (and) Centaurea cyanus flower extract, Camelia japonica flower extract (and) Aloe barbadensis leaf extract (and) Opuntia coccinellifera fruit extract (and) Butylene glycol (and) Glycerin (and) Saccharomyces ferment (and) Aureobasidium Pullulans ferment (and) 1,2-Hexanediol (and) Ethyl hexanediol, Water (and) Sodium		Dùng ngoài	Gel	Chai	Hộp 1 chai 280ml	Làm sạch dịu nhẹ, chăm sóc và bảo vệ da, góp phần ngăn ngừa và cải thiện tình trạng mụn ngứa, rôm sảy, hăm da, viêm da. Giúp duy trì độ ẩm tự nhiên, cho làn da mềm mại, mịn màng.	160.000	Mỹ phẩm	Trung tâm da liễu Đăk Lắk	Đầu thầu rộng rãi	KQ2 4005 9242 4_25 0225 0934	25/2/2025

	hyaluronidate (and) Butylene glycol (and) Phenoxyethanol, Ceramid NP, DMDM Hydrantoin, Citric acid, o- Cymen-5-ol.											
2	Purified water, Butyrospermum parkii (shea) butter, Prunus amygdalus dulcis(sweet almond) oil, PEG -100 stearate (and) Glycerin stearate, Glycerin, Jojoba esters (and) Helianthus annuus (sunflower) seed wax (and) Acacia decumens flower wax (and) Polyglycerin 3, Dimethicole, Caprylic/Capric triglyceride, Cetearyl alcohol, Panthenol, Water (and) Sodium hyaluronate (and) Butylene glycol (and) Phenoxyethanol, Hydroxyethyl acrylate/Sodium acryloyldimethyl taurate copolymer, Cetyl palmitate (and) Sorbital palmitate (and) Sorbitan olivate, Phenoxyethanol, PEG-40 Hydrogenated castor oil, Beta-Sitosterol, Water (and) Centaurea cyanus flower extract (and) Camelia japonica flower extract (and) Aloe barbadensis leaf extract (and) Opuntia coccinellifera fruit extract (and) Butylene glycol (and) Glycerin (and) Saccharomyces ferment (and) Aureobasidium Pullulans ferment (and) 1,2-Hexanediol (and) Ethyl hexanediol, Tocopheryl acetate, Allantoin, Dipotassium Glycyrrhizate, Xanthan gum, ceramide NP, Citric acid, o- Cymen-5-ol, Fragrance.	Dùng ngoài	Kem	Tuýp	Hộp 1 tuýp 50g	Làm thơm, dưỡng ẩm, làm mềm da, giúp giảm tình trạng da khô, nứt nẻ da. Góp phần làm dịu mát tại các vùng da bị: Mẩn đỏ, ngứa, khó chịu, viêm da, khô ngứa, da do nứt nẻ. Giúp làn da mềm mại, mịn màng.	150,000	Mỹ phẩm	Trung tâm da liễu Đăk Lăk	Đầu thầu rộng rãi	KQ2 4005 9242 4 25 0225 0934	25/2/2025
3	Purified water, Sodium laureth sulfate, decyl glucoside, Cocamidopropyl betaine, PEG-7 Glyceryl cocoate, PEG-150 Distearate, Propylene glycol, Cocamide DEA (Palm kernelamide DEA), Climbazole, Glycol distearate (and) Sodium laureth sulfate (and) Cocamide MEA, Glycerin, Ethoxydiglycol, Piroctone olamine, Guar hydroxypropyltrimonium chloride, DMDM Hydantoin, Fragrance, Sodium benzoate, Polyquaternium -10, Citric acid, Disodium EDTA.	Dùng ngoài	Dầu gội	Tuýp	Hộp 1 tuýp 75ml		135,000	Mỹ phẩm	Trung tâm da liễu Đăk Lăk	Đầu thầu rộng rãi	KQ2 4005 9242 4 25 0225 0934	25/2/2025
4	Sodium Palmate, Sodium Palm Kernelate, Aqua, Sulfur, Salicylic Acid, Glycerin, Lauryl Glucoside, Sodium Chloride, Propylene Glycol, Cocos Nucifera (Coconut) Oil, Allantoin, Fragrance, Phenoxyethanol, Benzoic Acid, Disodium Etidronate, Dehydroacetic Acid, Disodium EDTA	Dùng ngoài	Xà bông	Bánh	Hộp 1 bánh 80 gam	Giúp làm sạch da khỏi bụi bẩn và lớp trang điểm, cung cấp độ ẩm và dưỡng chất cho da mềm mịn hơn	90,000	Mỹ phẩm	Trung tâm da liễu Đăk Lăk	Đầu thầu rộng rãi	KQ2 4005 9242 4 25 0225 0934	25/2/2025
5	Trong 10ml hỗn dịch chứa: thymomodulin 60mg, Beta glucan 80% 50mg (tương đương beta glucan 40mg), Vitamin C 41,67mg, kèm	Uống	Hỗn dịch	Hộp	Hộp 1 chai 120ml	Hỗ trợ ăn ngon, giúp tăng cường đề kháng cho cơ thể.	68,000	TPCN	Trung tâm da	Đầu thầu	KQ2 4005 9242	25/2/2025

	Gluconate 16,67mg (trương đương 2,37mg Kẽm)								liều Đắc Lắc	rộng rãi	4 25 0225 0934		
6	Trong 1 viên chứa: Thymomodulin 100mg, Beta Glukan 30mg, Kẽm Gluconate 20mg, Vitamin B1, B2, B5		Uống	Viên	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Hỗ trợ nâng cao đề kháng cho cơ thể	3,000	TPCN	Trung tâm da liễu Đắc Lắc	Đầu thầu rộng rãi	KQ2 4005 9242 4 25 0225 0934	25/2/2025
7	Aqua, Caprylic/Capric Triglyceride, Polyglyceryl-3 Cetyl Ether Olivat/Succinate, Propanediol Lactobacillus Ferment, Glyceryl Stearate, Gossypium Herbaceum Seed Oil, Butyrospermum Parkii Butter, Panthenol, Olea Europaea Fruit Oil (Olea Europaea (Olive) Oil), Hydrogenated Ethylhexyl Olivat, 1,2-Hexanediol, Xylitylglucoside, Anhydroxylitol, Sodium Stearoyl Glutamate, Sodium Citrate, Tocopheryl Acetate, Sodium Benzoate, Xylitol, Hydrogenated Olive Oil Unsaponifiables, Citric Acid, Glucose, Lactic Acid.	5%-5%-4.9375%-3%-2.5%-2.25%-2%-1.2%-0.84%-0.5%-0.36%	Dùng ngoài	Kem	Tuýp	Tuýp 75ml	Sản phẩm dưỡng da hàng ngày giúp da mịn màng, dưỡng ẩm da. Sản phẩm phù hợp cho da khô, da nhạy cảm.	345.000	Mỹ phẩm	Bệnh viện Da liễu Bắc Ninh	Đầu thầu rộng rãi	202/QĐ-BVD L	6/12/2024
8	Aqua, Glycerin, Lactobacillus Ferment, Cetearyl Alcohol, Glyceryl Stearate Citrate, Glyceryl Stearate, Brassica Campestris Seed Oil, Caprylic/Capric Triglyceride, Gossypium Herbaceum Seed Oil, Butyrospermum Parkii Butter, 1,2-Hexanediol, Sodium Citrate, Tocopheryl Acetate, Sodium Benzoate, Xylitylglucoside, Panthenol, Anhydroxylitol, Citric Acid, Xylitol, Xanthan Gum, Lactic Acid Glucose.	4.975%-4.9375%-2%-2%-2%-1.5%-0.5%-0.4%-0.375%-0.28%-0.12%	Dùng ngoài	Nhũ tương	Chai	Chai 250ml	Sản phẩm dưỡng da hàng ngày giúp da mềm mại, mịn màng. Sản phẩm dành cho da viêm da cơ địa, chàm, eczema, da dị ứng, da kích ứng & nhạy cảm, da khô và da rất khô.	445.000	Mỹ phẩm	Bệnh viện Da liễu Bắc Ninh	Đầu thầu rộng rãi	202/QĐ-BVD L	6/12/2024
9	Aqua, Lactobacillus Ferment, Coco-Glucoside, Propanediol, Coco-Betaine, Xanthan Gum, Panthenol, Sodium Citrate, Phenethyl Alcohol, Xylitylglucoside, Citric Acid, Caprylyl Glycol, Anhydroxylitol, Lactic Acid, Xylitol, Glucose.	9.875%-6.38%-5%-4.47%-0.75%-0.4%-0.294%-0.28%-0.12%	Dùng ngoài	Gel	Chai	Chai 400ml	Gel tắm gội. Làm sạch nhẹ nhàng, giữ ẩm và tái tạo da. Làm dịu da khô quá mức, giúp làn da và mái tóc trở nên mềm mại. Sản phẩm tạo lớp che phủ mỏng, giúp chống khô da. Sản phẩm dùng cho da khô, nhạy cảm và dị ứng.	485.000	Mỹ phẩm	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Đầu thầu rộng rãi	651/QĐ-BV	11/2/2025
10	Aqua, Paraffinum Liquidum, Propylene Glycol, Titanium Dioxide, Sorbitol, Octyldodecanol, Glyceryl Stearate, PEG-100 Stearate, Cetearyl Alcohol, Stearic Acid, Dimethicone, Aesculus Hippocastanum Seed Extract, Polyglyceryl-2 Caprate, Phenoxyethanol, Zinc Sulfate, Allantoin, Sucrose Stearate, Simmondsia Chinensis	1.5%-1%-0.5%-0.3%-0.2%-0.2%-0.1%	Dùng ngoài	Kem	Tuýp	Tuýp 50ml	Sản phẩm giúp làm dịu nhẹ da, bảo vệ da trước các tác động bất lợi: bụi bẩn, nhiệt độ cao, ô nhiễm môi trường,... Dưỡng ẩm, dưỡng da, làm mềm mịn da. Gia tăng độ	445.000	Mỹ phẩm	Bệnh viện Da liễu Thái Bình	Đầu thầu rộng rãi	KQ2 4006 1746 3 25 0317 1532	17/3/2025

	Seed Oil, Alumina, Escin, Centella Asiatica Leaf Cell Extract, Parfum, Ethylhexylglycerin, Disodium EDTA, Glyceryl Caprylate, Tocopheryl Acetate, Sodium Chondroitin Sulfate, Squalane, Linalool, Geraniol, Citronellol, Eugenol.						đàn hồi da giúp giảm nhăn và ngăn ngừa lão hóa da. Da trở nên tươi sáng, rang rỡ. Sản phẩm chăm sóc da dành cho da nhạy cảm.							
1 1	Aqua, Cocamidopropyl Betaine, Hydrogenated Starch Hydrolysate, Salicylic Acid, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, Phenoxyethanol, Sodium Lauroyl Sarcosinate, Disodium Cocoamphodiacetate, Sodium Chloride, Xanthan Gum, Acrylates/C10-13 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Parfum, Ethylhexylglycerin, Sodium Hydroxide, Citric Acid, Disodium EDTA, Glycerin, Polyquaternium-7, Hypericum Perforatum Flower/Leaf/Stem Extract, Papain, Polysorbate 20, Melaleuca Alternifolia Leaf Oil, Calcium Pantothenate, Caprylyl Glycol, Urea, Magnesium Lactate, Sodium Benzoate, Potassium Lactate, Alanine, Magnesium Chloride, Proline, Serine, Sodium Hydroxymethylglycinate, Sodium Citrate.	3-1.5-0.1-0.04-0.04-0.01-0.006	Dùng ngoài	Gel	Tuýp	Tuýp 150ml	Làm sạch da, loại bỏ bụi bẩn, tế bào chết, lượng dầu thừa trên da và giúp thông thoáng lỗ chân lông. Da trở nên sạch sẽ, khô thoáng. Dưỡng ẩm, dưỡng da, giúp tăng độ đàn hồi da. Da trở nên mịn màng, tươi mới. Bảo vệ da trước các tác động bất lợi: bụi bẩn, nhiệt độ cao, ô nhiễm môi trường... giúp làm giảm và ngăn ngừa mụn. Sản phẩm dành cho mọi loại da, đặc biệt dành cho da dầu, da bị mụn trứng cá, mụn đầu đen, da nhạy cảm. Không dùng cho trẻ dưới 3 tuổi.	315,000	Mỹ phẩm	Bệnh viện Phong Da liễu TW Quậnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	KQ2 4006 1746 3_25 0317 1532	17/3/2025	
1 2	Aqua, Glyceryl Stearate Citrate, Glycerin, Triethylhexanoin, Cetyl Alcohol, Cyclopentasiloxane, C12-15 Alkyl Benzoate, Isononyl Isononanoate, Aluminum Starch Octenylsuccinate, Parfum, Dimethicone, Trehalose, Betaine, Astragalus Membranaceus Root Extract, Benzyl Alcohol, Propylene Glycol, Phenoxyethanol, Allantoin, Caprylyl Glycol, Xanthan Gum, Potassium Azeloyl Diglycinate, Polysilicone-11, Tocopherol, Taraktogenos Kurzii Seed Oil, Dehydroacetic Acid, Nigella Sativa Seed Oil, Palm Glycerides, Caprylyl Glycol, Leptospermum Scoparium Oil, Potassium Lauroyl Wheat Amino Acids, Citrus Medica Limonum Peel Extract, Magnolia Grandiflora Leaf Extract.	4.67-0.85-0.83-0.82-0.76-0.69-0.5-0.22-0.11-0.02	Dùng ngoài	Kem	Tuýp	Tuýp 50ml	Kem giúp ngăn ngừa tiết bã nhờn quá mức, giữ ẩm cho da, làm mờ vết thâm trên da, giúp da trở nên trắng sáng, mịn màng, đều màu. Dưỡng ẩm, dưỡng da, làm dịu nhẹ da, cân bằng da, bảo vệ da trước tác động bất lợi: bụi bẩn, nhiệt độ cao, ô nhiễm môi trường.... Sản phẩm chăm sóc da dành cho da bị mụn trứng cá, da dầu, da hỗn hợp, da nhạy cảm.	395,000	Mỹ phẩm	Bệnh viện Phong Da liễu TW Quậnh Lập	Đầu thầu rộng rãi	KQ2 4006 1746 3_25 0317 1532	17/3/2025	
1 3	Aqua, Caprylic/Capric Triglyceride, Di-C12-13 Alkyl Malate, Aluminum Starch Octenylsuccinate, Ammonium Acryloyldimethyltaurate/VP Copolymer, Olus Oil, Allantoin, Niacinamide, Urea, Piroctone Olamine, Caprylyl Glycol, 1,2-	5%-2.2%-2%-0.5%-0.5%-0.5%-0.1%-0.05%-0.023%	Dùng ngoài	Gel	Tuýp	Tuýp 50ml	Sản phẩm làm dịu nhẹ da, ngăn ngừa tiết bã nhờn quá mức, giúp bảo vệ da trước các tác động bất lợi từ môi trường bên ngoài: bụi	395,000	Mỹ phẩm	Bệnh viện Phong Da liễu TW	Đầu thầu rộng rãi	KQ2 4006 1746 3_25 0317 1532	17/3/2025	

	Hexanediol, Oleyl Alcohol, Hydrogenated Vegetable Oil, Parfum, Candelilla Cera, Lactic Acid, Zanthoxylum Bungeanum Fruit Extract, Sodium Hyaluronate, Glycerophosphoinositol Lysine, Tropolone, Phenoxyethanol, Ethylhexylglycerin.						bản, nhiệt độ cao, ô nhiễm môi trường... và ngăn ngừa lão hóa da. Dưỡng ẩm, dưỡng da, giúp loại bỏ tế bào chết, gia tăng độ đàn hồi da, giúp da săn chắc, mềm mịn. Sản phẩm dành cho da nhạy cảm.			Quỳnh Lập			
1 4	Aqua, Sodium Coco-Sulfate, Coco-Glucoside, Cocamidopropyl Betaine, PEG-200 Hydrogenated Glyceryl Palmate, PEG-7 Glyceryl Cocoate, Niacinamide, Allantoin, Urea, Glyceryl Oleate, Piroctone Olamine, Benzyl Alcohol, Citric Acid, Sodium Benzoate, Sodium Chloride, Parfum, Polyquaternium-7, Potassium Sorbate, Dehydroacetic Acid, Hydroxypropyltrimonium Hydrolyzed Wheat Protein, Glycerophosphoinositol Lysine, Phenoxyethanol, Tocopherol, Hydrogenated Palm Glycerides Citrate, Ethylhexylglycerin.	4%-3%- 3%-1%- 1%-1%- 0,8%- 0,01%- 0,01%	Dùng ngoài	Dung dịch	Chai	Chai 200ml	Dầu gội đầu giúp làm sạch tóc và da đầu, cho tóc luôn mềm mượt và chắc khỏe. Làm dịu nhẹ da đầu, ngừa ngứa tiết bã nhờn quá mức. Sản phẩm dành cho da đầu nhạy cảm.	485.000	Mỹ phẩm	Bệnh viện Da liễu Thái Bình	Đầu thầu rộng rải	KQ2 4006 1746 3_25 0317 1532	17/3/202 5
1 5	Aqua, Lauryl Glucoside, Cocamidopropyl Betaine, Glycerin, Lactobacillus Ferment (1.988%), PEG-18 Glyceryl Oleate/Cocoate, Cocamide DEA (1,65%), Aloe Barbadensis Leaf Extract, Phenethyl Alcohol, Sodium Chloride, Caprylyl Glycol, Allantoin (0,1%), Parfum (0,1%), Panthenol, Lactic acid (0,048%).		Dùng ngoài	Nhũ trương	Chai	Chai 150ml	Sản phẩm giúp làm sạch cơ quan sinh dục ngoài.	235.000	Mỹ phẩm	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Đầu thầu rộng rải	651/ QĐ- BV	12/2/202 5
1 6	Aqua, Cocamidopropyl Betaine, Sodium Lauroyl Methyl Isethionate, Cottonseed Oil Glycereth-8 Esters, Sodium Methyl Oleoyl Taurate, Lauryl Glucoside, Coco-Glucoside, Glycerin, Phenoxyethanol, Panthenol, Sodium Chloride, Sodium Benzoate, Ethylhexylglycerin.	5,09%- 2,91%- 1,15%- 0,995%- 0,75%	Dùng ngoài	Gel	Chai	Chai 500ml	Sản phẩm tắm gội giúp làm sạch da và tóc, dưỡng ẩm và nuôi dưỡng da, giúp làn da mịn màng và mái tóc trở nên mềm mại. Sản phẩm dùng cho da khô, nhạy cảm	520.000	Mỹ phẩm	Bệnh viện Nhi đồng 1	Đầu thầu rộng rải	3264 /QĐ- BVN Đ1	28/11/20 24
1 7	Aqua, Glyceryl stearate citrate, Caprylic/capric triglyceride, Butyrospermum parkii (Shea) butter, Propanediol, Glycerin, Oryza sativa (Rice) bran oil, Prunus amygdalus dulcis (Sweet almond) oil, Cetyl alcohol, Decyl glucoside, PPG-25-laureth-25, Hydroxyacetophenone, Caprylyl glycol, 1,2-Hexanediol, Parfum [Fragrance], Niacinamide, Xanthan gum, Opuntia ficus-indica stem extract, Sodium starch octenylsuccinate, Calcium pantothenate, Maltodextrin, Sodium ascorbyl phosphate, Lecithin, Pyridoxine HCl, Tocopheryl	71,7%- 4,9%-4,8%- 2,9%-2,8%- 2,366%- 2%-2%- 1,5%-1,5%- 1,5%-0,5%- 0,25%- 0,2475%- 0,2%- 0,1545%- 0,15%- 0,125%-	Dùng ngoài da	Sữa	Chai	Chai 200ml	Sản phẩm giúp loại bỏ lượng dầu dư thừa trên da, bụi bẩn và mỹ phẩm trang điểm trên da giúp da trở nên sạch và thông thoáng lỗ chân lông. Cung cấp độ ẩm cho da, làm dịu da, dưỡng ẩm, dưỡng da, giúp gia tăng độ đàn hồi da khiến da trở nên mềm mại, mịn màng. Sản phẩm dành	395.000	Mỹ phẩm	Bệnh viện Da liễu Thái Bình	Đầu thầu rộng rải	KQ2 4006 1746 3_25 0317 1532	17/3/202 5

	acetate, Citric acid, Tocopherol, Ascorbyl palmitate, Tropolone, Sodium benzoate, Potassium sorbate, Silica.	0.125%- 0.075%- 0.075%- 0.04%- 0.0385%- 0.015%- 0.015%- 0.00775%- 0.00675%- 0.0045%- 0.0025%- 0.001%- 0.0005%- 0.0005%					cho mọi loại da, đặc biệt là da nhạy cảm, da bị kích ứng.						
1 8	Purified water, Glycerin, Azadirachta indica extract (Chiết xuất cây Neem), Polyacrylate crosspolymer-6, Phenoxyethanol, Fragrance, Allantoin, Colloidal silver	Purified water: vira du, Glycerin: 10%, Azadirachta indica extract (Chiết xuất cây Neem): 8%, Polyacrylate crosspolymer-6: 1.5%, Phenoxyethanol: 0.6%, Fragrance: 0.6%, Allantoin: 0.1%, Colloidal silver: 2%	Dùng ngoài da	Gel	Tuýp	Hộp 1 tuýp 25g	Giúp làm sạch da, kháng khuẩn, góp phần ngăn ngừa sự phát triển của vi khuẩn có hại trên da. Giúp dưỡng ẩm da, cho da mềm mại, khỏe mạnh hơn.	120.000	Mỹ phẩm	Bệnh viện Nhi đồng 1	Đầu thầu rộng rãi	3265 /QĐ-BVN Đ1	28/11/2024